

BÁO CÁO NHU CẦU, NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2026
(Kèm theo Công văn số /THPA ngày 03/06/2026 của Trường TH Phổ An)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Ghi chú
A	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2026	488	
1	70% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý; các khoản loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội) thực hiện 2025 so dự toán Thủ tướng Chính phủ giao năm 2025		
2	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý; các khoản loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội) dự toán 2024 so dự toán năm 2023 Thủ tướng Chính phủ giao		
3	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý; các khoản loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội) dự toán 2025 so dự toán năm 2024 Thủ tướng Chính phủ giao		
4	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý; các khoản loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội) dự toán 2026 so dự toán năm 2024 Thủ tướng Chính phủ giao		
5	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2023		
6	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm dự toán năm 2024 so dự toán năm 2023		
7	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm dự toán năm 2025 so dự toán năm 2024		
8	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm dự toán năm 2026 so dự toán năm 2025		
9	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2025 (các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên) :		
	+ Học phí		
	+ Viện phí		
	+ Nguồn thu khác		
10	50% phần NSNN giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập)		
11	100% kinh phí tiết kiệm chi NSNN hỗ trợ hoạt động thường xuyên (chi tiền lương và chi hoạt động theo quy định của pháp luật) do tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp năm 2026		
12	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2026		
	+ Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 còn dư theo thông báo của Sơ Tài chính		
	+ Điều chỉnh tăng/giảm nguồn cải cách tiền lương theo kết luận của Kiểm toán		
	+ Điều chỉnh tăng/giảm nguồn cải cách tiền lương theo kết luận của cơ quan Thanh tra		
B	TỔNG NHU CẦU NĂM 2026	278	
I	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và Nghị định số 42/2023/NĐ-CP (tính đủ 12 tháng)		
II	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP (tính đủ 12 tháng)		
III	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP (tính đủ 6 tháng)	278	
IV	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định		

	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2026 theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025		
	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo Hội đặc thù		
3	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ trợ cấp lần đầu đến nhận công tác tại vùng ĐBK, trợ cấp 1 lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng ĐBK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ		
4	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố năm 2026		
5	Các loại phụ cấp khác		
IV	Quỹ tiền thưởng	211	
C	CHÉNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2026		
1	Phần thiếu nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ.		
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư		

